

Bản án số: 02/2019/KDTM - ST.

Ngày: 22 - 11 - 2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Trần Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST - KDTM, ngày 09 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST - KDTM, ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Số nhà x, đường K, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc M; sinh năm 1983 – Công tác viên quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng C – Chi nhánh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 80/UQ-SOC.19 ngày 04/11/2019) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Thạch H; sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.2. Bà Đào Thị S; sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Sur Thị V; sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.2. Ông Kim S; sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.3. Ông Lâm P; sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.4. Bà Đào Thị Thu H; sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.5. Ông Danh Ngọc T; sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.6. Ông Đào V; sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 26/10/2017 của nguyên đơn Ngân hàng C (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Vào ngày 23/9/2016, Ngân hàng ký kết hợp đồng tín dụng với ông Thạch H và bà Đào Thị S số SOC.CN.500.290916. Theo khế ước nhận nợ số 224197359 thì Ngân hàng giải ngân cho ông H và bà S số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi suất là 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động - bổ sung vốn kinh doanh vật tư nông nghiệp, thời hạn vay là 06 tháng, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 29/3/2017, thời hạn trả nợ lãi hàng tháng. Thực hiện hợp đồng ông H và bà S chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi là 16.238.443 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 141.221 đồng, tổng cộng là 16.238.443 đồng.

Vào ngày 30/9/2016, Ngân hàng ký kết hợp đồng tín dụng với ông Thạch H và bà Đào Thị S số SOC.CN.252.300916; phụ lục hợp đồng số SOC.CN.252.300916/PL-01 ngày 30/9/2016. Theo khế ước nhận nợ số 224264599 thì Ngân hàng giải ngân cho ông H và bà S số tiền gốc là 500.000.000 đồng, lãi suất là 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay sản xuất kinh doanh - bổ sung vốn lưu động - bổ sung vốn kinh doanh vật tư nông nghiệp, thời hạn vay là 06 tháng, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 30/3/2017, thời hạn trả nợ lãi hàng tháng. Thực hiện hợp đồng ông H và bà S chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi là 7.916.666 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 69.985 đồng, tổng cộng là 7.986.651 đồng.

Để đảm bảo 02 khoản nợ vay nêu trên ngày 23/9/2014 ông Thạch H và bà Đào Thị S ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất SOC.BĐCN.01.230914 để thế chấp cho Ngân hàng tài sản là: Quyền sử dụng đất số V 191146 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho hộ ông Thạch H ngày 05/4/2002 đối với thửa đất số 696, 187, tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 490, 869, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long

Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AI 944719 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 24/8/2007 đối với thửa đất số 739, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AI 944720 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 24/8/2007 đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AD 605263 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 02/3/2006 đối với thửa đất số 811, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Bung Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số BG 791991 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 06/02/2012 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số BG 832260 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 15/10/2012 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông H và bà S có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc của 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2019 là 622.148.028 đồng (trong đó lãi trong hạn là 430.666.667 đồng, lãi quá hạn là 191.517.361 đồng), phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng; tổng cộng là 2.138.262.092 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông H và bà S trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không đồng ý theo đề nghị giảm tiền lãi của bà S.

Trường hợp ông Thạch H và bà Đào Thị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản mà ông H và bà S đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đào Thị S:* Bà S thống nhất theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng về toàn bộ nội dung 02 hợp đồng tín dụng và toàn bộ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông H và bà S đã ký kết với Ngân hàng đúng như lời trình bày của người đại diện của Ngân hàng nên bà S không trình bày thêm. Bà S thừa nhận tính đến ngày 22/11/2019 vợ chồng ông H và bà S còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2019 là 622.148.028 đồng (trong đó lãi trong hạn là 430.666.667 đồng, lãi quá hạn là 191.517.361 đồng) và phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng; tổng cộng là 2.138.262.092 đồng. Thực hiện hợp đồng ông H và bà S chỉ trả tiền lãi cho Ngân hàng đối với khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng là 16.238.443 đồng và tiền phạt là 141.221 đồng, tổng cộng là 16.238.443 đồng; đối với khoản vay 500.000.000 đồng là 7.916.666 đồng và tiền phạt là 69.985 đồng, tổng cộng là 7.986.651 đồng.

Để đảm bảo số tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng thì vợ chồng ông H và bà S đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất SOC.BĐCN.01.230914 để thế chấp cho Ngân hàng tài sản là: Quyền sử dụng đất số V 191146 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho hộ ông Thạch H ngày 05/4/2002 đối với thửa đất số 696, 187, tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 490, 869, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AI 944719 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 24/8/2007 đối với thửa đất số 739, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AI 944720 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 24/8/2007 đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AD 605263 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 02/3/2006 đối với thửa đất số 811, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Bung Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số BG 791991 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 06/02/2012 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số BG 832260 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 15/10/2012 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Nay bà Đào Thị S thống nhất cùng ông Thạch H hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu Á Châu tổng dư nợ tính đến ngày 22/11/2019 số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 622.148.028 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng; tổng cộng là 2.138.262.092 đồng và thống nhất tiếp tục hoàn trả tiền lãi theo hợp đồng đến khi trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà S yêu cầu Ngân hàng cho trả dần số nợ gốc nêu trên và xin Ngân hàng giảm tiền lãi cho bà S và ông H.

Trường hợp ông H và bà S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông H và bà S thống nhất để nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết với Ngân hàng như đã nêu trên.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thạch H trình bày:* Ông H thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng về toàn bộ nội dung 02 hợp đồng tín dụng và toàn bộ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông H và bà S đã ký kết với Ngân hàng đúng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Ông H thừa nhận vợ chồng ông H và bà S còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng đúng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Nay ông Thạch H thống nhất cùng bà Đào Thị S hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu Á Châu dư nợ tính đến ngày 22/11/2019 số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp ông

H và bà S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông H và bà S thống nhất để nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết với Ngân hàng.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T:* Ông T thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ý kiến của bà Đào Thị S. Vào năm 2017, vợ chồng ông Thạch H và bà Đào Thị S có cầm cố cho ông T phần đất thuộc thửa số 811, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Bung Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với giá là 80 chỉ vàng 24k và ông T quản lý sử dụng thửa đất nêu trên trồng lúa cho đến nay. Việc ông H và bà S đem quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền thì ông T không biết.

Nay ông Danh Ngọc T và vợ chồng ông Thạch H, bà Đào Thị S đã thỏa thuận được với nhau nên ông T không có tranh chấp trong vụ án, ông T xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, khi nào ông T và vợ chồng ông H, bà S có tranh chấp thì ông T sẽ khởi kiện ông H, bà S bằng một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu trả lại số vàng cầm cố cho ông T. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đối với thửa đất ông T đang sử dụng thì ông T không đồng ý.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim S:* Ông S thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ý kiến của bà Đào Thị S. Vào ngày 29/4/2015, ông Thạch H và bà Đào Thị S có cầm cố cho ông S phần đất thuộc thửa số 285 và 739, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp 1, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với giá là 110 chỉ vàng 24k và ông S quản lý sử dụng thửa 02 đất nêu trên trồng lúa cho đến nay. Việc ông H và bà S đem quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền thì ông S không biết.

Nay ông Kim S và vợ chồng ông Thạch H, bà Đào Thị S đã thỏa thuận được với nhau nên ông S không có tranh chấp trong vụ án, khi nào ông S và vợ chồng ông H, bà S tranh chấp thì ông S sẽ khởi kiện ông H, bà S bằng một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu ông H, bà S trả lại số vàng cầm cố cho ông S. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đối với 02 thửa đất ông S đang sử dụng thì ông S không đồng ý.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm P:* Ông P thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ý kiến của bà Đào Thị S. Vào ngày 29/9/2010 và ngày 20/5/2014, ông Thạch H và bà Đào Thị S có cầm cố cho ông P phần đất thuộc thửa số 187, tờ bản đồ số 7 và thửa số 490, 869, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với giá là 70 chỉ vàng 24k và ông P quản lý sử dụng 03 thửa đất nêu trên trồng lúa cho đến nay. Việc ông H và bà S đem quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền thì ông P không biết.

Nay ông Lâm P và vợ chồng ông Thạch H, bà Đào Thị S đã thỏa thuận được với nhau nên ông P không có tranh chấp trong vụ án, khi nào ông P và vợ chồng ông H, bà S tranh chấp thì ông P sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu ông H, bà S trả lại số vàng cầm cố cho ông P. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đối với 03 thửa đất ông P đang sử dụng thì ông P không đồng ý.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào V:* Ông V thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ý kiến của bà Đào Thị S. Vào ngày 05/4/2014, ông Thạch H và bà Đào Thị S có cầm cố cho ông V phần đất thuộc thửa số 696, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với giá là 90 chỉ vàng 24k và ông V quản lý sử dụng thửa đất nêu trên trồng lúa cho đến nay. Việc ông H và bà S đem quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng để vay tiền thì ông V không biết.

Nay ông Đào V và vợ chồng ông Thạch H, bà Đào Thị S đã thỏa thuận được với nhau nên ông V không có tranh chấp trong vụ án, khi nào ông V và vợ chồng ông H, bà S tranh chấp thì ông V sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu ông H, bà S trả lại số vàng cầm cố cho ông V. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đối với thửa đất ông V đang sử dụng thì ông V không đồng ý.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sư Thị V:* Bà V thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ý kiến của bà Đào Thị S. Vào ngày 02/4/2013, ông Thạch H và bà Đào Thị S có cầm cố cho bà Sư Thị V phần đất thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng với giá là 55 chỉ vàng 24k và bà V quản lý sử dụng thửa đất nêu trên trồng lúa cho đến nay. Việc ông H và bà S đem quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền thì bà V không biết.

Nay bà Sư Thị V và vợ chồng ông Thạch H và bà Đào Thị S đã thỏa thuận được với nhau nên bà V không có tranh chấp trong vụ án, khi nào bà V và vợ chồng ông H, bà S tranh chấp thì bà V sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu ông H, bà S trả lại số vàng cầm cố cho bà V. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đối với thửa đất bà V đang sử dụng thì bà V không đồng ý.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Thu H:* Bà H thống nhất với toàn bộ phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ý kiến của bà Đào Thị S. Vào 2012, ông Thạch H và bà Đào Thị S có cầm cố cho bà H phần đất thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với giá là 100 chỉ vàng 24k và bà H quản lý sử dụng thửa đất nêu trên trồng lúa cho đến nay. Việc ông H và bà S đem quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền thì bà H không biết.

Nay bà Đào Thị Thu H và vợ chồng ông Thạch H, bà Đào Thị S đã thỏa thuận được với nhau nên bà H không có tranh chấp trong vụ án, khi nào bà H và vợ chồng ông H, bà S tranh chấp thì bà H sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu ông H, bà S trả lại số vàng cầm cố cho bà H. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đối với thửa đất bà H đang sử dụng thì bà H không đồng ý giao đất để phát mãi.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/11/2019 là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 622.148.028 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng; tổng cộng là 2.138.262.092 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi ông H và bà S hoàn trả xong nợ gốc; trường hợp ông H và bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật và buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T, ông Kim S, ông Lâm P, bà Đào Thị Thu H, bà Sur Thị V, ông Đào V có nghĩa vụ giao lại các thửa đất mà họ đang quản lý, sử dụng để phát mãi tài sản khi ngân hàng có yêu cầu. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Danh Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Thạch H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa và họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc của 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2019 là 622.148.028 đồng (trong đó lãi trong hạn là 430.666.667 đồng, lãi quá hạn là 191.517.361 đồng), phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng; tổng cộng là 2.138.262.092 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông H và bà S trả xong số nợ gốc cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc ông Thạch H và bà Đào Thị S có vay vốn, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng số SOC.CN.500.290916 ngày 23/9/2016, khế ước nhận nợ số 224197359; hợp đồng tín dụng số SOC.CN.252.300916; phụ lục hợp đồng số SOC.CN.252.300916/PL-01 ngày

30/9/2016 và khế ước nhận nợ số 224264599, các chứng cứ nêu trên đều có chữ ký của ông H và bà S ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông H và bà S cũng thừa nhận có ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông H và bà S đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông H và bà S không thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng, chỉ thanh toán tiền lãi là 24.155.109 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 211.206 đồng. Do vậy, việc ông H và bà S không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông H và bà S là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H và bà S hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi và phạt vi phạm hợp đồng thì theo hợp đồng đã ký kết nêu trên Ngân hàng và ông H và bà S đã giao kết mức lãi suất cho vay là 9,50%/năm, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm hợp đồng là 14,25%/năm nên ông H và bà S phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng và chịu phạt vi phạm hợp đồng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 418, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông H và bà S phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng, cụ thể: Đối với số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 29/11/2016 đến ngày 22/11/2019 là 424.598.613 đồng (trong đó lãi trong hạn là 287.111.111 đồng, lãi quá hạn là 127.722.222 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 9.765.279 đồng); đối với số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng tính từ ngày 29/11/2016 đến ngày 22/11/2019 là 213.699.479 đồng (trong đó lãi trong hạn là 143.555.556 đồng, lãi quá hạn là 63.795.139 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 6.348.785 đồng). Tổng cộng tiền lãi là 622.148.028 đồng và phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng.

Như vậy, bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 22/11/2019 số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 622.148.028 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng, tổng cộng là 2.138.298.092 đồng; ông H và bà S còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 23/11/2019 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn

ông Thạch H và bà Đào Thị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SOS.BĐCN.01.230914 ngày 24/9/2014 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Thạch H và bà Đào Thị S đối với: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 739, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp 1, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 696, 187, tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 490, 869, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 739, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 811, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Bung Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thì hợp đồng nêu trên có chữ ký của ông H và bà S ở mục bên thế chấp và sau khi ký kết hợp đồng thì các bên có đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ngày 05/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định: Thửa đất số 811 do ông Danh Ngọc T quản lý, sử dụng; thửa đất thửa số 285 và 739 do ông Kim S quản lý, sử dụng; thửa đất số 187, 490, 869 do ông Lâm P quản lý, sử dụng; thửa đất số 696 do ông Đào V quản lý, sử dụng; thửa đất số 37 do bà Sư Thị V quản lý, sử dụng; thửa đất số 37 do bà Đào Thị Thu H quản lý, sử dụng; các thửa đất đều là đất trồng lúa, việc ông T, ông S, ông P, bà V, bà H và ông V quản lý, sử dụng các thửa đất nêu trên do nhận cầm cố từ ông Thạch H và bà Đào Thị S. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T, ông S, ông P, ông V bà V, bà H không có tranh chấp gì đối với các thửa đất mà họ đang quản lý, sử dụng khi nào họ tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ông H và bà S đã tự nguyện dùng tài của mình là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông H và bà S đối với các thửa đất nêu trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông H và bà S; mặt khác về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T, ông Kim S, ông Lâm P, bà Đào Thị Thu H, bà Sư Thị V, ông Đào V có nghĩa vụ giao lại các thửa đất mà họ đang quản lý, sử dụng để phát mãi tài sản khi Ngân hàng có yêu cầu.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất xác lập giữa ông T và vợ chồng ông Thạch H và bà Đào Thị S năm

2017. Xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của ông T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của ông T.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S cùng có nghĩa vụ chịu 2.300.000 đồng, số tiền này nguyên đơn Ngân hàng C đã nộp xong nên bị đơn ông H và bà S có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S cùng có nghĩa vụ chịu 74.765.961 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng ông H và bà S là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T, ông Kim S, ông Lâm P, bà Đào Thị Thu H, bà Sur Thị V, ông Đào V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 299, Điều 418, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

[2] Buộc bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 22/11/2019 với số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng), tiền lãi là 622.148.028 đồng (sáu trăm hai mươi hai triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm hai mươi tám đồng), phạt vi phạm hợp đồng là 16.114.064 đồng (mười sáu triệu, một trăm mười bốn nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng); tổng cộng là 2.138.298.092 đồng (hai tỷ, một trăm ba mươi tám triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, không trăm chín mươi hai đồng) và ông H, bà S còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 23/11/2019 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[3] Trường hợp bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết số SOS.BĐCN.01.230914 ngày 24/9/2014 đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất số V 191146 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho hộ ông Thạch H ngày 05/4/2002 đối với thửa đất số 696, 187, tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 490, 869, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AI 944719 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 24/8/2007 đối với thửa đất số 739, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AI 944720 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 24/8/2007 đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số AD 605263 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 02/3/2006 đối với thửa đất số 811, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Bung Long, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số BG 791991 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 06/02/2012 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp Khwantang, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất số BG 832260 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Thạch H và bà Đào Thị S ngày 15/10/2012 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T, ông Kim S, ông Lâm P, bà Đào Thị Thu H, bà Sư Thị V, ông Đào V có nghĩa vụ giao lại các thửa đất đang quản lý, sử dụng để phát mãi khi Ngân hàng có yêu cầu.

[4] Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất xác lập giữa ông T và ông Thạch H, bà Đào Thị S năm 2017.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S cùng có nghĩa vụ chịu 2.300.000 đồng (hai triệu, ba trăm nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng C đã nộp xong nên bị đơn ông H và bà S có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu, ba trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn ông Thạch H và bà Đào Thị S là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 30.120.198 đồng (ba mươi triệu, một trăm hai mươi nghìn, một trăm chín mươi tám đồng) theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008384 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Ngọc T, ông Kim S, ông Lâm P, bà Đào Thị Thu H, bà Sư Thị V, ông Đào V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Thạch H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[8] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung